

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2018
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Giới

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Thái Văn H**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp RBB, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp RBB, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Thái Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Phương T đã tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân hơn hai năm nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 03 người con chung tên Thái Phương N, sinh 1996; Thái Việt B, sinh ngày 08/02/2001 và Thái Thị Thùy N, sinh ngày 08/6/2006. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Thái Việt B và Thái Thị Thùy N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Riêng Thái Phương N đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Phương T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Phương T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do; ông Thái Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Thái Văn H và bà Nguyễn Phương T chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1996 đến nay, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001 quy định: *“Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì vẫn được coi là hôn nhân hợp pháp đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Do đó, hôn nhân giữa ông H và bà T là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật. Nay ông Thái Văn H yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Phương T nên Tòa án không công nhận ông H và bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, ông H và bà T có với nhau được 03 người con chung tên Thái Phương N, sinh 1996; Thái Việt B, sinh ngày 08/02/2001 và Thái Thị Thùy N, sinh ngày 08/6/2006. Tại đơn khởi kiện ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Thái Việt B và Thái Thị Thùy N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Riêng Thái Phương N đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 24/7/2018 ông H có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung, vợ chồng tự thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Thái Văn H và bà Nguyễn Phương T là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12/6/2018 ông H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008272 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, ông H và bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã PL, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang